TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2026/HNGĐ- ST
Ngày: 12-02-2026
V/v " ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10- HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Xô và bà Nguyễn Thị Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly- Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Ông Tăng Bá Thắng- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 02 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 511/2025/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc *"ly hôn* ".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXX-ST ngày 05 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị N, sinh ngày 14-3-1973

Số Căn cước công dân: 030173003714. Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 11-8-2021.

Địa chỉ: Tổ dân phố V, phường P, thành phố Hải Phòng

Bị đơn: Anh Phạm Văn D, sinh ngày 29-07-1972

Số căn cước công dân 030072012254. Nơi cấp: Cục cảnh sát đăng ký quản lý cư trú và dữ liệu quốc gia về dân cư. Ngày cấp: 28-6-2021.

Nơi cư trú: Tổ dân phố V, phường B, thành phố Hải Phòng

(chị N, anh D đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trịnh Thị N trình bày: Chị và anh Phạm Văn D được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) vào ngày 27-9-1993. Sau khi kết hôn anh chị chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời

gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, không còn hạnh phúc. Do cuộc sống căng thẳng nên anh chị đã sống ly thân khoảng từ đầu năm 1998 đến nay, mỗi người sống một nơi, không ai còn quan tâm đến ai nữa, cắt đứt mọi quan hệ cả về tình cảm và kinh tế. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh Phạm Văn D.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 29-7-1994. Hiện nay cháu Hương đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Văn D trình bày: Anh và chị Trịnh Thị N được tự nguyện tìm hiểu có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương vào năm 1993 (nay là phường Phạm Thái, thành phố Hải Phòng). Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân từ năm 1999 đến nay. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã kéo dài từ lâu, chị N xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 29-7-1994. Hiện nay cháu Hương đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do anh bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc được. Anh đề nghị Tòa án cho được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa.

Tại phiên toà chị Trịnh Thị N và anh Phạm Văn D đều vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng theo quy định của Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Phạm Văn D.

2.Về con chung: Chị N, anh D có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 29-7-1994. Hiện nay cháu Hương đã trưởng thành nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng: Chị Trịnh Thị N có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Văn D. Anh D có đăng kí hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố Vũ Xá, phường Bắc An Phụ, thành phố Hải Phòng. Do vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10- Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà chị N và anh D đều được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị N và anh D.

[2].Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị N và anh Phạm Văn D được tự nguyện tìm hiểu có đăng kí kết hôn vào ngày 27-9-1993 tại UBND xã Thái Sơn, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng) nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên có nhiều bất đồng về tính cách và quan điểm sống nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi nhau, cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Chị N và anh D cùng xác định anh chị đã sống ly thân từ khoảng năm 1999 đến nay, không còn tình cảm. Xác minh tại địa phương thể hiện hiện nay anh chị không còn chung sống cùng nhau. Do

vậy, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị N và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N ly hôn anh D là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 29-7-1994. Hiện nay cháu H đã trưởng thành và có gia đình nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh D cùng không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trịnh Thị N được ly hôn anh Phạm Văn D.

2.Về con chung: Chị Trịnh Thị N và anh Phạm Văn D có 01 con chung là Phạm Thị H, sinh ngày 29-7-1994. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trịnh Thị N phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền ký hiệu BLTU/25E số: 0008361 ngày 19-12-2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 10- Hải Phòng;
- Đương sự;
- UBND phường Phạm Sư Mạnh, thành phố Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ, Tòa án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nguyệt